

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/2011/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2011

THÔNG TƯ

**Quy định chế độ quản lý tài chính
Quỹ Hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 990/QĐ-TTg ngày 30/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;

Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Quỹ Hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này quy định việc quản lý tài chính của Quỹ Hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là Quỹ) thành lập và hoạt động theo Quyết định số 990/QĐ-TTg ngày 30/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động tài chính của Quỹ

1. Mục đích: Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, chấp hành Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành và các chính sách tài chính nhà nước có liên quan đến hoạt động của Quỹ. Quỹ phải công khai tình hình huy động, quản lý và sử dụng vốn theo quy định.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Quỹ mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và tài khoản ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước hoặc tại các ngân hàng thương mại trong nước để tiếp nhận và sử dụng đối với nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, các khoản thu do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp.

3. Các hoạt động tài trợ từ Quỹ phải thực hiện theo đúng mục tiêu tài trợ của Quỹ và thông qua hình thức triển khai thực hiện các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các dự án tài trợ có địa chỉ theo sự uỷ quyền của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Quỹ có trách nhiệm thực hiện đúng theo sự uỷ quyền của các tổ chức, cá nhân tài trợ và theo quy định của pháp luật.

4. Không sử dụng Quỹ để chi cho các hoạt động nghiệp vụ thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao; không sử dụng vào các hoạt động kinh doanh; không cho vay hoặc các hoạt động không phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

Điều 3. Mục tiêu tài trợ của Quỹ

Mục tiêu tài trợ của Quỹ nhằm mục đích hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, giúp cộng đồng ổn định và phát triển, giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam, hướng về Tổ quốc, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Điều 4. Nguồn tài chính của Quỹ, bao gồm:

1. Kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp:

Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí ban đầu là bảy tỷ (7 tỷ) đồng Việt Nam; kinh phí nhà nước cấp bổ sung hàng năm theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguồn thu từ các hoạt động của Quỹ:

a) Tiền và tài sản do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp, tài trợ cho Quỹ phù hợp với qui định của pháp luật.

b) Tiền và tài sản của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước uỷ quyền cho Quỹ tài trợ có mục đích theo địa chỉ cụ thể, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và qui định của pháp luật.

c) Thu lãi từ tài khoản tiền gửi, các khoản thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 5. Nội dung sử dụng từ Quỹ và định mức chi

1. Nội dung sử dụng Quỹ:

1.1. Các hoạt động được tài trợ từ Quỹ:

a) Tổ chức thực hiện các dự án nhằm bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc; duy trì và phát triển tiếng Việt trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

b) Tổ chức hoạt động giao lưu về nguồn: trại hè thanh thiếu niên, thi đấu thể thao, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật.

c) Hỗ trợ hoạt động thông tin, văn hoá phục vụ cộng đồng.

d) Hỗ trợ vận động người Việt Nam ở nước ngoài về nước đầu tư, hợp tác kinh tế và khoa học.

d) Hỗ trợ cá nhân chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc, hợp tác khoa học.

e) Hỗ trợ hoạt động của các hội, các tổ chức người Việt Nam ở nước ngoài.

g) Các hoạt động khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định.

h) Các hoạt động hỗ trợ khác phù hợp với tôn chỉ và mục đích của Quỹ.

1.2. Chi cho hoạt động quản lý Quỹ.

2. Định mức chi:

2.1. Chi cho hoạt động quản lý Quỹ: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2.2. Các hoạt động tài trợ từ Quỹ nêu tại tiết 1.1 khoản 1 Điều này được thực hiện theo chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước; cơ quan, đơn vị thực hiện dự án phải lập dự toán chi tiết trình Giám đốc Quỹ phê duyệt trước khi thực hiện.

Ngoài ra Thông tư này quy định bổ sung một số mức chi đặc thù làm căn cứ lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện các dự án từ nguồn hỗ trợ của Quỹ như sau:

a) Đối với các dự án mời người Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc, hội nghị, hội thảo:

- Áp dụng theo tiêu chuẩn tiếp khách hạng C quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; chế độ chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam; chế độ chi tiêu tiếp khách trong nước đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Đối với cán bộ Việt Nam tham gia đón khách, tiếp khách, phục vụ hội nghị, hội thảo, thực hiện theo mức chi quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 01/2010/TT-BTC nêu trên.

- Chi các cuộc hội nghị, hội thảo: Thực hiện các nội dung chi và mức chi theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 nêu trên của Bộ Tài chính.

b) Đối với đề án thí điểm “Đẩy mạnh công tác tiếng Việt đối với người Việt Nam ở nước ngoài từ nay đến năm 2020”:

- Chi tổ chức các hội thảo và tập huấn ở trong nước để góp ý xây dựng và hoàn thiện các tài liệu tập huấn chuyên đề về công tác tiếng Việt và các tài liệu chuyên môn khác của Đề án thí điểm:

Áp dụng nội dung chi và mức chi tổ chức hội nghị trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC

ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chi các hoạt động điều tra, khảo sát:

+ Đối với việc xây dựng bộ công cụ điều tra; cung cấp thông tin trả lời phiếu khảo sát; nhập số liệu, tổng hợp số liệu kết quả điều tra: Căn cứ nội dung chi và mức chi quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử, Giám đốc Quỹ trình Bộ Ngoại quyết định mức chi cụ thể nhưng không được vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC nêu trên. Trong trường hợp phải đi thuê cơ quan bên ngoài thực hiện thì phải ký hợp đồng và đảm bảo thủ tục hợp đồng theo đúng quy định.

+ Đối với việc viết báo cáo tổng hợp kết quả điều tra (bao gồm tổng hợp số liệu, phân tích số liệu điều tra): Căn cứ mức chi quy định tại Thông tư số 120/2007/TT-BTC ngày 15/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn vốn sự nghiệp của NSNN; căn cứ tính chất, quy mô của cuộc điều tra, Giám đốc Quỹ trình Bộ Ngoại giao quyết định mức chi cụ thể nhưng không được vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 120/2007/TT-BTC nêu trên.

- Đối với các mức chi trong việc tổ chức hội thảo tập huấn ở nước ngoài cho đội ngũ giáo viên tình nguyện:

+ Chi thuê hội trường, địa điểm tổ chức lớp hội thảo, tập huấn: Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và hoá đơn quy định hợp pháp của nước sở tại và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện.

+ Chi in ấn tài liệu cho học viên: Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và hoá đơn quy định hợp pháp và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện.

+ Chi nước uống cho học viên: Áp dụng mức chi tiếp xã giao theo tiêu chuẩn khách hạng C quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính.

- Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho học viên (đội ngũ giáo viên tình nguyện về dự tập huấn): Thực hiện theo hình thức khoán gọn; căn cứ mức khoán chi tiền thuê chỗ nghỉ tối đa quy định tại Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí, Giám đốc Quỹ phê duyệt mức hỗ trợ khoán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên cho phù hợp với đặc thù của từng địa bàn.

Điều 6. Quy định thẩm quyền duyệt chi

1. Bộ trưởng Ngoại giao quyết định kế hoạch sử dụng kinh phí Quỹ hàng năm trên cơ sở kế hoạch ngân sách đã được Bộ Tài chính thẩm định.

2. Trên cơ sở kế hoạch sử dụng kinh phí Quỹ đã được Bộ trưởng Ngoại giao phê duyệt, phân bổ kinh phí, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng Quỹ lập kế hoạch chi tiết, kèm theo dự toán kinh phí thực hiện dự án trình Giám đốc Quỹ phê duyệt làm căn cứ triển khai theo đúng kế hoạch đã được Lãnh đạo Bộ Ngoại giao phê duyệt.

3. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ đột xuất ngoài kế hoạch hoặc nhiệm vụ đã đăng ký nhưng nhu cầu kinh phí sử dụng vượt quá hạn mức đã được Quỹ cấp; thẩm quyền quyết định mỗi vụ việc như sau:

a) Với dự án, nhiệm vụ có dự toán dưới 200.000.000 đồng, Giám đốc Quỹ quyết định và báo cáo Bộ Ngoại giao biết để tổng hợp, theo dõi.

b) Với dự án, nhiệm vụ có dự toán trên 200.000.000 đồng, Giám đốc Quỹ báo cáo Bộ trưởng Ngoại giao quyết định.

Cuối năm Bộ Ngoại giao tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính về tình hình sử dụng kinh phí Quỹ cho những nhiệm vụ đột xuất ngoài kế hoạch nêu trên.

Điều 7. Chi hoạt động quản lý Quỹ

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch công việc quản lý Quỹ năm sau và các chế độ chi tiêu hiện hành; Quỹ lập dự toán kinh phí quản lý Quỹ tổng hợp chung với kinh phí hoạt động của Quỹ gửi Bộ Ngoại giao phê duyệt và giao dự toán để thực hiện. Dự toán chi cho các hoạt động quản lý Quỹ tối đa không vượt quá 10% tổng số kinh phí Quỹ được duyệt hàng năm.

Nội dung chi và định mức chi hoạt động quản lý Quỹ bao gồm:

1. Chi phụ cấp đối với chức danh Giám đốc Quỹ theo chế độ kiêm nhiệm qui định tại Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.

2. Chi lương, bảo hiểm và phụ cấp theo quy định của pháp luật cho cán bộ, nhân viên hợp đồng (nếu có) của Quỹ.

3. Chi trả tiền làm thêm giờ (nếu có) theo chế độ quy định hiện hành.

4. Chi cho hoạt động tuyên truyền để vận động tài trợ Quỹ.

5. Chi khảo sát, thu thập thông tin để lập dự án.

6. Chi cho các hoạt động đoàn ra, đón tiếp đoàn vào phục vụ công tác vận động tài trợ Quỹ.

7. Chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị phục vụ trực tiếp hoạt động của Quỹ.

8. Chi văn phòng phẩm; chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ trực tiếp hoạt động của Quỹ.

9. Chi khen thưởng định kỳ, đột xuất cho các tổ chức, cá nhân có công vận động hoặc trực tiếp đóng góp vào Quỹ hoặc có thành tích trong hoạt động của Quỹ

Hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng. Nguồn trích Quỹ thi đua, khen thưởng từ kinh phí hoạt động quản lý Quỹ do Bộ Ngoại giao phân bổ và giao trong dự toán ngân sách hàng năm của Quỹ; từ đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng.

10. Chi các hoạt động của Hội đồng bảo trợ Quỹ:

a) Thanh toán tiền công tác phí cho các thành viên Hội đồng bảo trợ Quỹ khi đi công tác trong nước và đi công tác nước ngoài theo chế độ quy định hiện hành.

b) Chi hỗ trợ tiền cước điện thoại di động:

- Mức tối đa không quá 400.000 đồng/tháng: Đối với những người tham gia giữ chức Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng bảo trợ Quỹ hiện không phải là cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước;

- Mức tối đa không quá 250.000 đồng/tháng: Đối với những người tham gia thành viên Hội đồng bảo trợ Quỹ hiện không phải là cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước.

Giám đốc Quỹ quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng trường hợp theo nguyên tắc hiệu quả công việc, những người được mời tham gia trong thành viên Hội đồng bảo trợ Quỹ nhưng không thường xuyên thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng bảo trợ Quỹ thì không được hưởng khoản hỗ trợ cước điện thoại.

11. Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý Quỹ.

Các nội dung chi nêu trên được thực hiện theo chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước.

Điều 8. Lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán Quỹ

1. Lập dự toán và phân bổ dự toán:

a) Hàng năm căn cứ vào các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, Quỹ lập dự toán kinh phí (theo từng dự án, nhiệm vụ quản lý Quỹ) gửi Bộ Ngoại giao tổng hợp, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn Luật. Dự toán kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước cấp bổ sung hàng năm được xác định trên cơ sở căn cứ nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn khác (nếu có) và căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước.

b) Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao dự kiến phương án phân bổ dự toán kinh phí cho Quỹ (kèm theo thuyết minh nội dung sử dụng Quỹ theo từng dự án, theo nhiệm vụ quản lý Quỹ), theo đơn vị sử dụng ngân sách gửi Bộ Tài chính thẩm tra theo quy định.

Căn cứ dự toán được Bộ Ngoại giao phân bổ, Quỹ thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để chi cho công tác quản lý Quỹ và thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quyết toán Quỹ:

a) Hàng năm Quỹ có trách nhiệm quyết toán kinh phí sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định khác của Nhà nước về quyết toán kinh phí có liên quan đến hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện dự án từ nguồn kinh phí Quỹ kịp thời quyết toán và gửi các chứng từ chi tiêu (bản gốc) về Văn phòng Quỹ để quyết toán kinh phí đã sử dụng và tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Ngoại giao.

b) Bộ Ngoại giao có trách nhiệm xét duyệt quyết toán thu, chi của Quỹ và tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm của Bộ Ngoại giao gửi Bộ Tài chính thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Kinh phí của Quỹ cuối năm chưa sử dụng hết, được phép chuyển sang năm sau để sử dụng theo đúng mục đích, nội dung sử dụng Quỹ đã quy định. Căn cứ kết quả đối chiếu số dư, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch có trách nhiệm thực hiện chuyển số dư ngân sách năm trước sang năm sau theo quy định hiện hành.

Điều 9. Công tác kế toán và quản lý Quỹ

1. Quỹ phải tổ chức công tác kế toán, hạch toán theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

2. Quỹ thực hiện hạch toán riêng phần hoạt động nghiệp vụ chi cho hoạt động quản lý của Quỹ.

3. Đồng tiền hạch toán: Hạch toán, quyết toán bằng tiền đồng Việt Nam.

4. Trường hợp sử dụng bằng ngoại tệ: Nếu được Bộ Tài chính thống nhất phân bổ kinh phí sử dụng tại Sở giao dịch kho bạc thì áp dụng tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính công bố hàng tháng; nếu mua ngoại tệ tại ngân hàng thì thực hiện tỷ giá quy đổi ngoại tệ theo chứng từ ngân hàng tại thời điểm mua ngoại tệ.

5. Giám đốc Quỹ khi quyết định chuẩn chi phải căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành, nhằm bảo đảm việc sử dụng kinh phí phải phù hợp với mục tiêu của Quỹ, phù hợp kế hoạch sử dụng Quỹ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng Quỹ; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, hợp pháp, hợp lệ của chứng từ chi tiêu theo quy định của pháp luật.

6. Quỹ chấp hành các quy định hiện hành của nhà nước về kiểm tra, thanh tra các hoạt động tài chính của Quỹ. Các chứng từ, sổ sách kế toán phải được lưu trữ theo quy định hiện hành.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2011, thay thế Quyết định số 60/2003/QĐ-BTC ngày 21/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý tài chính Quỹ Hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm hướng dẫn Quỹ thực hiện quy định tại Thông tư này.

Đối với các chế độ, định mức chi hiện hành được dẫn chiếu trong Thông tư này, khi Nhà nước có sự điều chỉnh thay đổi về chế độ, định mức thì Quỹ được áp dụng mức chi điều chỉnh tương ứng.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phản ánh kịp thời với Bộ Tài chính để hướng dẫn giải quyết./. *VT*

Nơi nhận :

- Ban Bí thư;
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VP TW Đảng và các ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- KINH, VPBCĐTW PCTN;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các hội, đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu VT, Vụ HCSN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Minh



THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ

Căn cứ Luật Dạy nghề số 76/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội khoá XI;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khoá XII;

Căn cứ Nghị định số 139/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục và Bộ luật Lao động về dạy nghề;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ, như sau:

Điều 1. Quy định chung

1. Thông tư này quy định về quản lý tài chính trong hoạt động đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.
2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; không áp dụng đối với việc tổ chức đào tạo, cấp giấy phép lái xe của ngành Công an và Quân đội làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.
3. Học phí là khoản đóng góp của người học, tạo nguồn kinh phí để trang trải toàn bộ chi phí cho các cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.
4. Các cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên môn và chương trình đào tạo theo Quy

định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (hiện nay là Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); Quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (hiện nay là Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07/03/2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ).

5. Các cơ sở đào tạo trực tiếp thu học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ tô chức hạch toán riêng, quản lý theo từng loại đào tạo thực tế tại cơ sở; khoản thu học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ không ghi thu, ghi chi qua ngân sách nhà nước.

Điều 2. Xây dựng mức thu học phí

1. Mức thu học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ được xây dựng theo từng hạng giấy phép lái xe quy định tại điều 59 của Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 trên cơ sở các học phần, gồm:

- a) Lý thuyết.
- b) Thực hành lái xe.

2. Mức thu học phí ôn tập để thi cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ được xây dựng trên cơ sở các học phần, gồm:

- a) Lý thuyết.
- b) Thực hành lái xe.

3. Mức thu học phí bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ được xây dựng theo quy định tại điều 62 của Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 trên cơ sở số tiết học quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

4. Căn cứ vào các quy định về cơ sở vật chất đào tạo lái xe, chương trình đào tạo, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên do Bộ Giao thông vận tải ban hành và định mức về tiêu hao nhiên liệu do cơ sở đào tạo lái xe ban hành; chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; các cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ xây dựng và quyết định mức thu học phí cụ thể đối với từng hạng giấy phép lái xe chi tiết theo từng học phần báo cáo Bộ chủ quản hoặc cơ quan được ủy quyền (đối với cơ sở đào tạo lái xe trực thuộc các Bộ), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền (đối với cơ sở đào tạo lái xe thuộc địa phương, bao gồm cả các cơ sở ngoài công lập) để theo dõi. Các cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm về quyết định ban hành mức thu và quản lý học phí của đơn vị. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này; trường hợp cơ sở đào tạo ban hành mức thu và thực hiện thu học phí không đúng quy định, thực hiện xử lý theo quy định.

5. Mức thu học phí của cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ phải xây dựng ổn định tối thiểu cho 1 khóa đào tạo (trừ trường hợp phải điều chỉnh do giá xăng, dầu quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư này).

6. Mức thu học phí lái xe đơn vị phải công khai cho người học biết trước khi ký hợp đồng đào tạo với người học.

Điều 3. Phương thức thu học phí

1. Đối với các hình thức đào tạo để cấp Giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 và các hình thức bổ túc chuyên hạng Giấy phép lái xe; người đi học nộp một lần ngay khi vào học.

2. Đối với các hình thức đào tạo để cấp Giấy phép lái xe các hạng B1, B2, C, người đi học nộp 50% học phí ngay khi vào học, 50% còn lại nộp tiếp trong thời gian học theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Các cơ sở đào tạo, người trực tiếp đào tạo không được thu thêm các khoản khác ngoài khoản thu học phí đào tạo lái xe.

4. Trường hợp trong quá trình đào tạo khi Nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu tăng hoặc giảm từ 5% trở lên so với giá trong quyết định mức thu của cơ sở đào tạo; căn cứ vào chương trình đào tạo có sử dụng xăng dầu tính đến thời điểm Nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu; trong phạm vi 7 ngày làm việc, cơ sở đào tạo tính toán số học phí người học phải trả tăng hoặc giảm so với mức thu học phí của cả khóa học để xác định số học phí phải thu thêm hoặc trả lại người học cùng với thời điểm thu học phí lần hai. Việc điều chỉnh mức thu học phí do Nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu phải công khai đến từng người học.

Điều 4: Chế độ miễn, giảm học phí

Miễn, giảm học phí cho các đối tượng chính sách xã hội đối với người học chưa có nghề học nghề lái xe thuộc đối tượng miễn giảm; được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Nội dung chi:

1. Tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương;
2. Tiền công;
3. Chi quản lý: dịch vụ công cộng, văn phòng phẩm;
4. Chi mua xăng, dầu phục vụ công tác đào tạo;
5. Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản phục vụ đào tạo;
6. Chi mua sắm laptop, bình điện và thiết bị khác phục vụ công tác đào tạo;
7. Chi kiểm định xe ô tô, bảo hiểm xe theo chế độ quy định;
8. Trích khấu hao tài sản cố định;
9. Chi trả lãi tiền vay (nếu có);
10. Các khoản chi khác phục vụ công tác đào tạo.

Điều 6. Cơ chế quản lý tài chính đối với cơ sở đào tạo lái xe công lập và ngoài công lập:

1. Về cơ chế tài chính:

a) Đối với cơ sở đào tạo lái xe công lập: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Đối với cơ sở đào tạo lái xe ngoài công lập: Thực hiện theo chế độ quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

2. Đối với khấu hao tài sản cố định như: phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, ca bin điện tử, xe ô tô, mô tô thực tập, sân bãi thực tập và các tài sản khác.

a) Hàng năm cơ sở đào tạo lái xe công lập chuyển vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư tài sản trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo lái xe như ô tô, mô tô, phòng học chuyên dùng, các tài sản khác.

b) Cơ sở đào tạo lái xe ngoài công lập được chuyển vào quỹ để đầu tư tài sản trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo lái xe như ô tô, mô tô, phòng học chuyên dùng, các tài sản khác.

c) Đối với tiền trích khấu hao tài sản thuộc nguồn vốn vay, vốn huy động, cơ sở đào tạo được dùng để trả nợ tiền vay, tiền huy động. Trường hợp số trích khấu hao không đủ để trả nợ vay, tiền huy động, cơ sở đào tạo được sử dụng quỹ phát triển sự nghiệp (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc sử dụng các quỹ (đối với đơn vị ngoài công lập) để trả số nợ còn lại. Trường hợp đã trả hết nợ vay, tiền huy động, số còn lại cơ sở đào tạo được bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (đối với đơn vị sự nghiệp công lập); bổ sung các quỹ (đối với đơn vị ngoài công lập) để đầu tư tài sản trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo.

3. Mở tài khoản giao dịch: Toàn bộ số thu học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ đơn vị gửi tại tài khoản tiền gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch hoặc tài khoản tại Ngân hàng.

4. Sử dụng hóa đơn thu học phí cho đối tượng nộp theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về việc in, phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng.

5. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thanh tra và kiểm tra

1. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan quản lý dạy nghề cùng cấp kiểm tra định kỳ, hoặc đột xuất các cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ về việc thực hiện Quy định về quản lý đào tạo; Chương trình đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; Quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định hiện hành; xây dựng mức thu, tình hình quản lý thu, chi học phí

2. Thủ trưởng các cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ chịu trách nhiệm toàn

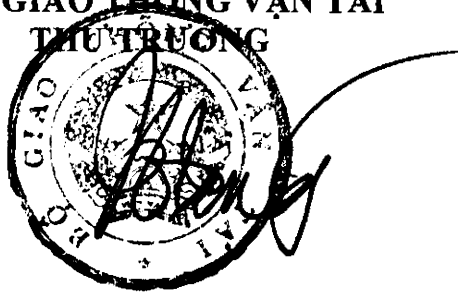
bộ các hoạt động thu, chi của đơn vị; thực hiện đúng Quy định về quản lý đào tạo, Chương trình đào tạo nghề lái xe cơ giới đường bộ, Quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ; thực hiện công khai tình hình thu, chi học phí theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Thông tư số 26/2007/TT-BTC ngày 3 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu học phí, quản lý và sử dụng học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

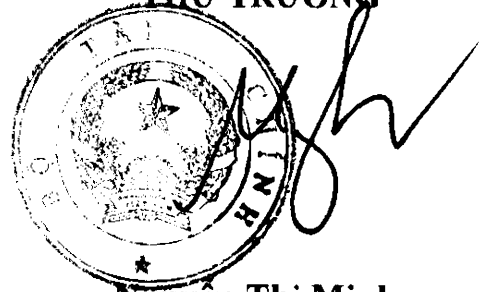
Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải để kịp thời giải quyết./.

**KT.BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Hồng Trường

**KT.BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Minh

Nơi nhận:

- Ban bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng và các Phó thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các cơ quan TW của các Hội, đoàn thể;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Cục thuế, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở GTVT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư Pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính; Website Bộ GTVT;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu: VT Bộ Tài chính, Bộ GTVT.